

Hà Giang, ngày tháng 9 năm 2021

Số: 254/CTHADS-VP

V/v đơn đốc thực hiện chỉ tiêu thi hành án
năm 2021

Kính gửi: Chi cục Thi hành án dân sự 11 huyện, thành phố

Theo báo cáo thống kê kết quả thi hành án dân sự 11 tháng năm 2021, toàn tỉnh đã giải quyết xong trên số có điều kiện là 2.094 việc = 47.932.688.000đ, đạt tỷ lệ 84,3% về việc và 47,88% về tiền; số việc, số tiền có điều kiện còn tồn đọng chưa thi hành được chuyển kỳ sau là 384 việc = 50.267.333.000đ. Trong đó, có nhiều Chi cục, Chấp hành viên còn tồn số việc, số tiền có điều kiện phải thi hành cao, chưa hoàn thành chỉ tiêu được Cục trưởng giao¹ (có danh sách các đơn vị, Chấp hành viên chưa hoàn thành chỉ tiêu kèm theo).

Mặt khác, qua kết quả kiểm tra hồ sơ thi hành án tại các đơn vị thấy còn nhiều vụ việc có điều kiện có khả năng thi hành dứt điểm trong năm 2021.

Để phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ được giao, Cục Thi hành án dân sự yêu cầu Thủ trưởng, Chấp hành viên các đơn vị từ nay đến 30/9/2021 quán triệt, triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Thủ trưởng các đơn vị không giải quyết chế độ phép cho công chức, Chấp hành viên đơn vị mình (trừ trường hợp đặc biệt phải có văn bản báo cáo và chỉ được nghỉ khi có ý kiến nhất trí của Cục trưởng), huy động tối đa nguồn nhân lực để tập trung giải quyết án có điều kiện đang còn tồn và phát sinh mới, tăng cường đơn đốc thu các khoản tiền có điều kiện thi hành, giải quyết triệt để hồ sơ có khả năng thi hành được, tập trung xác minh phân loại, ban hành Quyết định về việc án chưa có điều kiện đúng pháp luật; chỉ đạo các Chấp hành viên đơn đốc thu các vụ việc án hôn nhân gia đình (cấp dưỡng nuôi con) có điều kiện xong trước 20/9/2021. Có giải pháp phân bổ lượng án có điều kiện giữa các Chấp hành viên trong đơn vị theo hướng phân công Chấp hành viên đã hoàn thành chỉ tiêu giải quyết hồ sơ của những Chấp hành viên còn chưa hoàn thành nhiệm vụ. Đến 30/9/2021, nếu Chi cục không hoàn thành nhiệm vụ thì đồng chí Chi cục trưởng phải chịu trách nhiệm của người đứng đầu về kết quả thực hiện chỉ tiêu được giao của đơn vị mình.

2. Trên cơ sở danh sách các vụ việc có điều kiện thi hành của các Chi cục, yêu cầu lãnh đạo Phòng nghiệp vụ và Chấp hành viên được phân công phụ trách tăng cường theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo, đơn đốc các đơn vị nhanh chóng giải quyết các vụ việc có điều kiện thi hành.

¹ Quyết định số 01/QĐ-CTHADS ngày 05/01/2021 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang về việc giao chỉ tiêu nhiệm vụ thi hành án dân sự cho các Phòng chuyên môn thuộc Cục và Chi cục Thi hành án dân sự năm 2021: thi hành xong 95% về việc và 55% về tiền trên tổng số án có điều kiện thi hành.

3. Các đơn vị duy trì cập nhật và thực hiện chế độ báo cáo kết quả thi hành theo hàng tuần: Thống kê báo cáo số việc, tiền có điều kiện; kết quả thi hành, số việc, tiền có điều kiện còn tồn đọng; Tỷ lệ % kết quả đạt được của từng Chấp hành viên và toàn đơn vị về Cục Thi hành án dân sự (*gửi đồng thời qua địa chỉ thư điện tử: hagiang@moj.gov.vn và tuanla.hgg@moj.gov.vn – Không gửi bản giấy*).

Thời gian thực hiện: Trước 17h, ngày thứ 6 hàng tuần.

Nhận được văn bản, yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị triển khai thực hiện ngay./.

Nơi nhận:

- Như trên (t/h);
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu :VT – VP – LĐ (02).



CỤC TRƯỞNG

[Handwritten signature]
Lâm Anh Tuấn

DANH SÁCH CÁC CHẤP HÀNH VIÊN CHƯA ĐẠT CHỈ TIÊU VỀ VIỆC

STT	CHẤP HÀNH VIÊN	VIỆC					
		Tổng số giải quyết	Tổng số có điều kiện thi hành	Thi hành xong	Có điều kiện chuyên kỳ sau	Tỷ lệ	Tỷ lệ còn thiếu
1	Cục Thi hành án DS						
1.1	Nguyễn Thị Thu Huyền	16	16	12	4	75%	20%
1.2	Nguyễn Đức Thuận	26	23	21	2	91,30%	4%
1.3	Nguyễn Công Cháng	43	42	37	5	88,10%	7%
II	Các Chi Cục THADS						
1	Thành phố						
1.1	Đào Xuân Hữu	93	90	84	6	93.33%	2%
1.2	Nguyễn Đức Thọ	94	81	68	13	83.95%	11%
1.3	Nguyễn Xuân Thủy	117	102	79	23	77.45%	18%
1.4	Trần Thị Thanh Thủy	106	96	82	14	85.42%	10%
1.5	Lê Thị Thọ	103	91	71	20	78.02%	17%
1.6	Ngô Thị Kim Phượng	95	83	69	14	83.13%	12%
2	Vị Xuyên						
2.1	Đỗ Thị Minh Huệ	84	75	62	13	82.67%	12%
2.2	Nguyễn Hữu Sáng	129	109	87	22	79.82%	15%
2.3	Kim Tiến Quyết	124	108	95	13	87.96%	7%
3	Bắc Quang						
3.1	Lê Quang Trọng	138	108	92	16	85.19%	10%
3.2	Ngô Văn Quyển	175	155	109	46	70.32%	25%
3.3	Bùi Duy Khánh	198	169	133	36	78.70%	16%
4	Quang Bình						
4.1	Nguyễn Đức Tiến	31	25	22	3	88.00%	7%
4.2	Lâm Ngọc Toàn	73	58	50	8	86.21%	9%
4.3	Đào Thanh Tuấn	72	58	44	14	75.86%	19%
5	Hoàng Su Phì						
5.1	Kim Đức Mưu	136	130	114	16	87,69%	7%

6	Xín Mản						
6.1	Hồ Hữu Thành	55	45	33	12	73.33%	22%
6.2	Trần Hùng Hà	37	37	27	10	72.97%	22%
7	Quản Bạ						
7.1	Nguyễn Văn Sơn	39	39	35	4	89.74%	5%
7.2	Trần Hải	38	34	28	6	82.35%	13%
7.3	Đình Thế Hào	38	35	32	3	91.43%	4%
8	Bắc Mê						
8.1	Nguyễn Quốc Quân	47	39	31	8	79.49%	16%
8.2	Đoàn Thị Ngát	52	47	44	3	93.62%	1%
9	Yên Minh						
9.1	Phan Văn Hà	43	43	40	3	93.02%	2%
9.2	Tổng Thị Ngọc Nga	48	47	34	13	72.34%	23%
9.3	Lương Văn Quang	43	39	32	7	82.05%	13%
10	Mèo Vạc						
10.1	Sin Đức Kim	57	45	36	9	80.00%	15%
10.2	Hoàng Văn Huế	60	46	37	9	80.43%	15%
11	Đồng Văn						
11.1	Lương Văn Thiệu	53	44	41	3	93.18%	2%
11.2	Lương Thị Thanh Bình	41	33	24	9	72.73%	22%

DANH SÁCH CÁC CHẤP HÀNH VIÊN CHƯA ĐẠT CHỈ TIÊU VỀ TIỀN

Đơn vị tính: 1.000 VND

		TIỀN						
		Tổng số giải quyết	Tổng số có điều kiện thi hành	Thi hành xong	Có điều kiện chuyển kỳ sau	Tỷ lệ	Tỷ lệ còn thiếu	
Các Chi Cục THADS								
Thành phố								
1								
1.1	Lê Thị Thọ	3,837,829	654,345	322,788	331,557	49,339%	6%	
2								
Vị Xuyên								
2.1	Nguyễn Hữu Sáng	2,332,176	1,817,485	340,092	1,477,393	18,71%	36%	
3								
Bắc Quang								
3	Lê Quang Trọng	9,592,440	4,795,417	2,520,933	2,274,484	52,57%	2%	
3.2	Ngô Văn Quyến	16,547,689	15,416,951	1,562,546	13,854,405	10,14%	45%	
3.3	Bùi Duy Khánh	5,631,307	2,740,100	1,375,222	1,364,878	50,19%	5%	
4								
Quang Bình								
4.1	Lâm Ngọc Toàn	3,178,655	1,067,676	484,150	583,526	45,35%	10%	
5								
Hoàng Su Phì								
5.1	Kim Đức Mưu	1,055,488	872,487	458,168	414,319	52,51%	2%	
6								
Xín Mần								
6.1	Trần Hùng Hà	21,902,893	21,902,893	1,341,800	20,561,093	6,13%	49%	

		Quản Bả						
7								
7.1	Trần Hải	581,563	376,823	177,217	199,606	47.03%	8%	
7.2	Đình Thế Hào	339,608	176,408	95,908	80,500	54.37%	1%	
8			Yên Minh					
8.1	Tổng Thị Ngọc Nga	1,444,139	1,417,003	284,943	1,132,060	20.11%	35%	

DANH SÁCH CHỈ TIÊU VỀ VIỆC CHIA THEO ĐƠN VỊ

		VIỆC					
		Tổng số giải quyết	Tổng số có điều kiện thi hành	Thi hành xong	Có điều kiện chuyển kỳ sau	Tỷ lệ	Tỷ lệ còn thiếu
1	Cục Thi hành án DS	160	177	164	13	92,66%	2%
II	Các Chi Cục THADS						
1	Thành phố	608	543	453	90	83,43%	12%
2	Vị Xuyên	402	355	307	48	86,48%	9%
3	Bắc Quang	580	501	403	98	80,44%	15%
4	Quang Bình	176	141	116	25	90,00%	5%
5	Hoàng Su Phì	176	170	153	17	88%	7%
6	Xín Mần	92	82	60	22	73,17%	22%
7	Quản Bạ	115	108	95	13	87,96%	7%
8	Bắc Mê	128	110	99	11	90%	5%
9	Yên Minh	134	129	106	23	82,17%	13%
10	Mèo Vạc	117	91	73	18	80,22%	15%
11	Đồng Văn	94	77	65	12	84,42%	11%

DANH SÁCH CHỈ TIÊU VỀ TIỀN CHIA THEO ĐƠN VỊ

Đơn vị tính: 1.000 VND

STT	ĐƠN VỊ	TIỀN					
		Tổng số giải quyết	Tổng số có điều kiện thi hành	Thi hành xong	Có điều kiện chuyển kỳ sau	Tỷ lệ	Tỷ lệ còn thiếu
1	Phòng Nghiệp vụ	3,819,770	3,215,741	2,981,524	234,217	ĐẠT	
2	Thành phố HG	1,406,277,264	34,334,674	27,066,529	7,268,145	ĐẠT	
3	Vị Xuyên	7,192,345	4,624,333	1,900,469	2,723,864	41,10%	14%
4	Bắc Quang	31,876,346	23,057,078	5,563,311	17,493,767	24,13%	31%
5	Quang Bình	6,353,559	2,507,790	1,449,608	1,058,182	ĐẠT	
6	Hoàng Su Phì	1,108,834	925,833	511,513	414,320	ĐẠT	
7	Xín Mần	23,092,901	22,517,607	1,911,414	20,606,193	8,49%	47%
8	Bắc Mê	6,296,113	954,567	840,714	113,853	ĐẠT	
9	Quản Bạ	2,266,077	1,898,137	1,613,531	284,606	ĐẠT	
10	Yên Minh	2,626,639	2,533,778	1,174,998	1,358,780	46,37%	9%
11	Mèo Vạc	3,490,307	2,121,097	1,863,507	257,590	ĐẠT	
12	Đồng Văn	4,360,558	1,429,272	1,055,674	373,598	ĐẠT	